

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – KHÁNH HOÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HOÀ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huỳnh Sinh và bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hoà tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Công H, sinh năm: 1970 (có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Công H trình bày:

Ông Lê Công H và bà Trần Thị Thu T là vợ chồng, không tổ chức cưới hỏi, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận ngày 02/12/2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại khu phố C, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bình thường. Tuy nhiên, đến tháng 3/2024 bà T tự ý bỏ đi và ông phát hiện bà T ngoại tình với người đàn ông khác, nguyên nhân là do bà T đã hết tình cảm với ông. Ông đã tìm cách khuyên can, nói chuyện với bà T để vợ chồng hàn gắn tình

cảm nhưng bà T vẫn không quay về sống chung, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông đã mạnh ai nấy sống từ thời gian đó đến nay. Từ khi bà T bỏ đi thì bà T cũng có về nhà để thăm con, ông động viên bà T quay về nhưng bà T không đồng ý. Nay, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông đã rơi vào tình trạng trầm trọng, ông không còn tình cảm với bà T nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để ông sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Như T1, sinh ngày 18/02/2003 và Lê Trọng H1, sinh ngày 02/6/2009. Hiện nay, cháu Lê Như T1 đã trên 18 tuổi và lao động tự túc được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trọng H1 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông làm nghề lái xe thu nhập khoảng 8.000.000đồng/tháng đủ điều kiện để nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Thu T: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Lê Công H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn bà Trần Thị Thu T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở phường P, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận (nay thuộc phường B, tỉnh Khánh Hòa) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu

vực 5 – Khánh Hoà theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ông Lê Công H và bà Trần Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 02/12/2008, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, đời sống vợ chồng của ông H, bà T không hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn. Từ tháng 3/2024 đến nay bà T và ông H đã ly thân, bà T đã đi ở chỗ khác. Tại bản khai ngày 02/4/2024, cháu Lê Trọng H1 là con chung của bà T và ông H cũng trình bày bà T và ông H hiện nay không còn sống chung với nhau. Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường P xác nhận khoảng giữa năm 2024 đến nay vợ chồng ông H, bà T không sống chung với nhau tại địa phương. Bà T biết việc ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện bà T không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa ông H và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.3] Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung tên Lê Như T1, sinh ngày 18/02/2003 và Lê Trọng H1, sinh ngày 02/6/2009. Hiện nay, cháu Lê Như T1 đã trên 18 tuổi và lao động tự túc được. Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trọng H1 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông làm nghề lái xe thu nhập khoảng 8.000.000đồng/tháng đủ điều kiện để nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu H1 hiện đang ở với ông H, được chăm sóc, giáo dục; Cháu H1 có nguyện vọng được ở với ông H, ông H có công việc và thu nhập ổn định nên giao cháu H1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông H không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Lê Công H được ly hôn với bà Trần Thị Thu T.

2. Về con chung: Giao cho ông Lê Công H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Trọng H1, sinh ngày 02/6/2009. Bà Trần Thị Thu T không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con do ông H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Ông Lê Công H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001073 ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận. Ông Lê Công H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND KV5 – Khánh Hoà;
- Thi hành án dân sự Khánh Hoà;
- UBND Anh Dũng (GKH số 46 ngày 02/12/2008);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Huỳnh Sinh Nguyễn Thị Minh Trâm

Nguyễn Xuân Hùng

